

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 329/2019/DS-PT
Ngày: 16 - 12 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng cầm cố.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2019/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa :

- Nguyên đơn: Anh Lưu Phong P, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh C .

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh C.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ấp Tô Ma L, sinh năm 1979 (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 74/3, ấp V, xã T, huyện H, Thành Phố H.

- Người kháng cáo: Anh Lưu Phong P là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Lưu Phong P trình bày:* Ngày 19/11/2013 anh P với vợ chồng anh Ấp Tô Ma L và chị Nguyễn Thị Mỹ H ký hợp đồng cầm cố tài sản là quyền sử dụng đất số W174477 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 15/11/2002 do hộ ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T đứng tên với số tiền cầm cố là 100.000.000 đồng, ngày 16/12/2013 anh L nhận thêm số tiền 60.000.000 đồng, ngày 19/4/2014 anh L tiếp tục nhận thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền là 170.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Từ khi cầm cố anh L và chị H đã trả lãi đến ngày 19/5/2014 thì ngưng.

Do anh L và chị H đã bỏ địa phương, căn cứ vào giấy thỏa thuận mà ông B và bà T cho anh L và chị H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố, nên anh P khởi kiện ông B và bà T phải có trách nhiệm trả nợ thay cho anh L và chị H số tiền vốn 170.000.000 đồng hoặc giao cho anh P một phần đất diện tích 700 m² (trong đó đất ở 50 m², đất vườn 650 m²) theo giấy chứng nhận đã cầm cố cho anh P, ngoài ra anh P không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T trình bày:* Ngày 20/11/2002 ông B có lập tờ thỏa thuận nội dung cho anh L và chị H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông và bà T đứng tên để thế chấp ngân hàng vay vốn. Nhưng khi anh P với anh L và chị H ký hợp đồng cầm cố thì ông B và bà T không hay, ông B và bà T cũng không ký bảo lãnh. Anh L và chị H thiếu anh P bao nhiêu tiền ông B và bà T không biết, vì vậy ông B và bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Ấp Tô Ma L trình bày: Ngày 19/11/2013 anh L và chị H với anh P có ký hợp đồng cầm cố tài sản là quyền sử dụng đất do ông B và bà T đứng tên để vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3,5%/tháng. Sau khi vay anh L và chị H đã trả lãi cho anh P hơn 12 tháng thì ngưng. Đối với biên nhận ngày 16/12/2013 số tiền 60.000.000 đồng và biên nhận ngày 19/4/2014 số tiền 10.000.000 đồng thì anh L không biết, chữ viết và chữ ký trong hai biên nhận này không phải của anh L. Anh L chỉ đồng ý trả cho anh P số tiền 100.000.000 đồng khi anh P có yêu cầu khởi kiện anh L và chị H, ngoài ra anh L không ý kiến gì khác.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Chị H thống nhất với lời trình bày của anh L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2019/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Phong P về việc yêu cầu ông B và bà T có trách nhiệm trả lại số tiền vay là 170.000.000 đồng hoặc giao phần đất 700m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số W174477 được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T ngày 15/11/2002 diện tích 3.296,8 m² tọa lạc tại xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau (trong đó đất ở 300 m² đất vườn 2.996,8 m²).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/10/2019 anh Lưu Phong P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh P yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P. Anh L và chị H chỉ thừa nhận có nợ anh P số tiền 100.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền trên khi anh P có yêu cầu khởi kiện anh L và chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Lưu Phong P, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lưu Phong P không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, vì vậy anh P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc ông B và bà T có trách nhiệm trả anh P số tiền 170.000.000 đồng hoặc giao phần đất 700m² tọa lạc tại xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W174477 được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T ngày 15/11/2002. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Ngày 19/11/2013 giữa anh P với anh L và chị H có ký hợp đồng cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W174477 được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp cho ông B và bà T đứng tên là có thật, điều này đã được các đương sự cùng thừa nhận. Tuy nhiên theo ông B và bà T trình bày, việc ký kết hợp đồng cầm cố giữa anh P với anh L và chị H thì ông B và bà T không hay, ông B và bà T cũng không ký bảo lãnh cho anh L và chị H, anh L và chị H thiếu anh P bao nhiêu tiền ông B và bà T không biết nên không đồng ý trả cho anh P số tiền 170.000.000 đồng hoặc giao phần đất 700m² tọa lạc tại xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau do ông B và bà T đứng tên theo yêu cầu của anh P.

[2.1] Theo hợp đồng cầm số 07-103-HĐCC ngày 19/11/2013 thấy rằng, về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng cầm cố và giao nhận tiền được thực hiện bởi anh P với anh L và chị H. Ông B và bà T không phải chủ thể tham gia giao dịch của hợp đồng cầm cố nêu trên vì không cùng tham gia ký kết hợp đồng, cũng như không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện ông B và bà T có nhận tiền từ anh P.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh P căn cứ vào giấy thỏa thuận 20/11/2002 do ông B lập có nội dung cho anh L và chị H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay vốn, từ đó yêu cầu ông B và bà T trả nợ thay cho anh L và chị H số tiền vốn 170.000.000 đồng hoặc giao cho anh P một phần đất diện tích 700m² theo giấy chứng nhận cầm cố là không thuyết phục, vì ngoài giấy thỏa thuận ngày 20/11/2002 thì anh P không có chứng cứ gì để chứng minh ông B và bà T có cam kết trả nợ thay anh L và chị H, trong khi ông B và bà T không thừa nhận lời trình bày của anh P.

Từ cơ sở nêu trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P là có căn cứ.

[3] Về số tiền giao nhận giữa anh P với anh L và chị H, cũng như về mức lãi suất thỏa thuận, thời gian trả lãi các bên trình bày là chưa thống nhất nhau và có tranh chấp. Anh P cho rằng số tiền anh L và chị H nhận của anh P tổng cộng 170.000.000 đồng, cụ thể ngày 19/11/2013 anh L và chị H nhận 100.000.000 đồng, ngày 16/12/2013 anh L nhận 60.000.000 đồng, ngày 19/4/2014 anh L nhận 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, anh L và chị H trả lãi đến ngày 19/5/2014 thì ngưng. Ngược lại anh L và chị H chỉ thừa nhận có nhận của anh P số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng, anh L và chị H đã trả lãi trên 12 tháng, đối với số tiền còn lại 70.000.000 đồng anh L và chị H không thừa nhận. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh P không đặt ra yêu cầu anh L và chị H trả tiền, vì vậy cấp sơ thẩm chưa xem xét đến tranh chấp giữa anh P với anh L và chị H là phù hợp, nếu giữa anh P với anh L và chị H không thỏa thuận được, anh P được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lưu Phong P, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên án phí dân sự phúc thẩm anh P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lưu Phong P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2019/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Phong P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại số tiền vay là 170.000.000 đồng hoặc giao phần đất 700m² tọa lạc tại xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau do ông Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/11/2002.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lưu Phong P phải chịu số tiền 8.500.000 đồng. Ngày 28/5/2019 anh P đã dự nộp số tiền 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000174 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, anh P phải nộp tiếp số tiền 4.250.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lưu Phong P phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 08/10/2019 anh P đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000879 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Lập - Hồ Minh Tấn

Phạm Việt Trung